

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 676/2025/HS-PT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 337/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Lê Minh N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2025/HS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Minh N; sinh ngày: 12/3/1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số E Lô R, đường Đ, tổ dân phố C, khu phố B, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở hiện nay: Khu phố K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Thanh P, sinh năm 1965; vợ Trần Tuyết L, sinh năm 1986; con 02 người, sinh năm 2015 và năm 2023; tiền sự: Không; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2008/HSST, ngày 20/8/2008 của Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2010/HSST, ngày 09/8/2010 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2015/HSST, ngày 18/8/2015 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí

Minh, xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thi hành án xong ngày 03/10/2021. Chưa được xóa án tích. Bị cáo Lê Minh N bị tạm giữ từ ngày 13/5/2024 đến ngày 22/5/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Minh N:* Luật sư Vũ Thanh H, thộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

2. Thạch H1 (Tên gọi khác: Tí Đ), sinh ngày: 01/01/1983, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Chỗ ở hiện nay: Số A, khu phố E, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch V, sinh năm 1953 (Đã chết) và bà Hồ Thị Bích C, sinh năm 1954; vợ Phan Thị Mỹ T1, sinh năm 1993; có người con 02 người sinh năm 2017 và năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 126/2009/HSST, ngày 12/8/2009 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 13/11/2014; Ngày 13/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 02/01/2023. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10/2024 đến ngày 19/10/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Thạch H1:* Luật sư Hồ Quang Tân P1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

(Ngoài ra còn có 02 bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 13/5/2024, Công an huyện C, tỉnh Long An phối hợp Công an thị trấn C, huyện C tiến hành kiểm tra hành chính tại ngôi nhà (không số) tọa lạc tại đường T, tổ D, khu phố K, thị trấn C do Lê Minh N thuê để ở, qua kiểm tra phát hiện và thu giữ:

- Trong thùng xốp màu vàng có chứa bên trong gồm: 04 túi nylon chứa 3.960 viên nén hình vuông màu xám; 06 túi nylon chứa 5.845 viên nén hình tròn màu xám. Tất cả nghi là ma túy;

- Trong hộp sắt màu trắng xanh, bên trong có chứa: 02 túi nylon có rãnh khếp, viên đỏ chứa 196 viên nén hình vuông màu xám; 01 túi nylon có rãnh khếp viên đỏ chứa 97 viên nén hình tròn màu xám. Tất cả nghi là ma túy;

- 01 túi nylon có rãnh khếp, viền đỏ bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy;

- Trên đĩa thủy tinh màu trắng hình tròn có 01 túi nylon màu bạc chứa 985 viên nén hình vuông màu xám, nghi là ma túy; 01 ống hút nhựa trắng cắt xéo một đầu, 01 tờ tiền nước ngoài được cuộn tròn không rõ mệnh giá và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu xanh;

- Trong hộp sắt hình chữ nhật màu vàng có chứa: 01 túi nylon rãnh khếp, viền đỏ bên trong chứa nhiều mảnh vụn viên nén màu xám và 02 túi nylon rãnh khếp viền đỏ chứa tinh thể rắn màu trắng. Tất cả nghi là chất ma túy; 01 túi nylon màu trắng cắt hở 01 đầu bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy và 01 muỗng nhựa màu trắng trong suốt; 01 hộp kim loại chữ nhật màu cam, chứa 13 túi nylon có rãnh khếp, viền đỏ bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là chất ma túy; 01 hộp gỗ hình chữ nhật, chứa 02 túi nylon có rãnh khếp, viền đỏ bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy; 01 túi nylon rãnh khếp, viền màu đỏ chứa nhiều mảnh vỡ viên nén màu xám, nghi là ma túy; 10 túi nylon chưa qua sử dụng và 01 muỗng nhựa màu trắng;

- 01 hộp cacton, dán băng keo màu xám: Chứa 36 gói chứa chất bột nylon màu đỏ hàn kín, hiệu Ferari có hình con ngựa màu đen và 47 Grapve chứa chất bột được hàn kín. Tất cả nghi là ma túy;

- 03 thau nhỏ bằng kim loại màu trắng: Bên trong có chứa chất bột tinh thể màu trắng, nghi là ma túy;

- 01 hộp giấy màu hồng: Bên trong có chứa 05 túi nylon có rãnh khếp, viền đỏ, bên trong mỗi túi chứa viên nén hình vuông màu xám. Tổng cộng 500 viên.

- 02 túi nylon rãnh khếp viền đỏ: Bên trong chứa viên nén màu vàng tổng cộng là 190 viên.

- 01 túi nylon rãnh khếp viền đỏ: Chứa viên nén hình tròn màu xám, tổng cộng 70 viên

- 01 túi nylon rãnh khếp viền màu đỏ: Bên trong chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy.

- 01 thùng nhựa màu đen hiệu STANLEY, bên trong chứa: 01 hũ thủy tinh màu nâu, nắp vàng bên trong chứa 56 viên nén hình tròn màu xám (được thu giữ bỏ vào túi nylon có rãnh khếp, viền đỏ); 68 gói nylon màu đỏ nhãn hiệu Ferari chứa chất bột màu vàng, nghi là ma túy; 13 gói nylon hàn kín màu đỏ có hình chùm nho bên trong chứa chất bột màu tím; 05 túi nylon hàn kín màu đen có ký hiệu Baby bên trong chứa chất bột màu vàng; 03 túi nylon có rãnh khếp viền đỏ bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy; 90 gói nylon màu đỏ hiệu Ferari có hình con ngựa màu đen chưa qua sử dụng; 01 muỗng nhựa màu xanh;

- 50 túi nylon rãnh khếp viền đỏ chưa qua sử dụng, 01 cối xay bằng nhựa hình trụ tròn màu xanh trắng, 01 cân tiểu li điện tử màu trắng, 01 dụng cụ dùng cắt băng

keo màu đỏ, 01 máy ép nhựa màu xanh, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nõ và 01 ống hút màu trắng gắn vào nắp lọ thủy tinh trắng;

- 60 nõ thủy tinh chưa qua sử dụng, 10 ống hút nhựa màu trắng, 01 hộp kim loại hình tròn màu xanh chứa 30 gói nylon màu đỏ hình con ngựa ký hiệu Ferrari chưa qua sử dụng.

Tất cả viên nén và chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy đều được niêm phong và gửi giám định.

Tại Bản kết giám định số 3011/KL-KTHS Ngày 24/5/2025, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau:

1. Túi niêm phong mã số NS1-2111168: gồm 09 túi nylon có rãnh khếp chứa: Mẫu M1.1, M1.2, M1.3, M1.4 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 1.946,70 gam; Mẫu M1.5, M1.6, M1.7, M1.8, M1.9 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 2.199,70 gam.

2. Túi niêm phong mã số NS2-2111169: gồm 03 túi nylon có rãnh khếp chứa: Mẫu M2.1 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 48,68 gam; Mẫu M2.2 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 42,95 gam; Mẫu M2.3 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 193,52 gam.

3. Túi niêm phong mã số NS2-2111170: gồm 02 túi nylon có rãnh khếp chứa: Mẫu M3.1 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 128,74 gam; Mẫu M3.2 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 193,20 gam.

4. Túi niêm phong mã số NS2-2111171: Mẫu M4 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 577,94 gam.

5. Túi niêm phong mã số NS3A-093293: gồm 02 túi nylon có rãnh khếp chứa: Mẫu M5.1 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 4,11 gam; Mẫu M5.2 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 1,35 gam.

6. Túi niêm phong mã số NS2-2111156: gồm 02 túi nylon có rãnh khếp chứa: Mẫu M6.1 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam, tổng khối lượng: 159,62 gam; Mẫu M6.2 là ma túy, loại Methamphetamine, N2, tổng khối lượng: 167,04 gam.

7. Túi niêm phong mã số NS3A-093286: Mẫu M7 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 19,82 gam.

8. Túi niêm phong mã số NS2-2111158, gồm: Mẫu M8.1 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 169,65 gam; Mẫu M8.2 là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 88,26 gam; Mẫu M8.3 là ma túy, loại Methamphetamine, Ketamine, tổng khối lượng: 46,72 gam; Mẫu M8.4 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine, D, tổng khối lượng: 16,43 gam.

9. Túi niêm phong mã số NS1-2111161, gồm: Mẫu M9.1 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 152,62 gam; Mẫu M9.2 là ma túy, loại Ketamine, khối

lượng: 25,10 gam; Mẫu M9.3 là ma túy, loại MDMA, Ketamine, D, tổng khối lượng: 25,51 gam; Mẫu M9.4 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam, tổng khối lượng: 21,95 gam; Mẫu M9.5 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam, tổng khối lượng: 76,7676 gam; Mẫu M9.6: 67 gói nylon màu đỏ nhãn hiệu FERRARI còn nguyên chưa mở gồm 2 loại như sau: Mẫu M9.6.1 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam, tổng khối lượng: 169,18 gam; Mẫu M9.6.2 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam, tổng khối lượng: 230,24 gam.

10. Túi niêm phong mã số NS2-2111164: Mẫu M10 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 433,97 gam.

11. Túi niêm phong mã số NS2-2111167: Mẫu M11 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 49,93 gam.

12. Túi niêm phong mã số NS2-2111161: Mẫu M12 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 507,09 gam.

13. Túi niêm phong mã số NS3A-093263: Mẫu M13 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 13,01 gam.

14. Túi niêm phong mã số NS2-2111153: Mẫu M14 là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 297,63 gam.

15. Túi niêm phong mã số NS3A-093298: Mẫu M15 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 50,33 gam.

16. Túi niêm phong mã số NS4A-157800: Mẫu M16 là ma túy Methamphetamine, tổng khối lượng: 1,2 gam.

17. Túi niêm phong mã số NS3A-093257: Mẫu M17 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam, khối lượng: 3,47 gam.

18. Túi niêm phong mã số NS2-2111157: Mẫu M18 là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 42,55 gam.

19. Túi niêm phong mã số NS3A-093261: Mẫu M19 là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam, khối lượng: 6,2658 gam.

Ngoài việc thu giữ ma túy và các dụng cụ có liên quan đến ma túy như trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ của bị cáo N các tài sản khác gồm: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen, sim 1 số: 0899.996.138 và sim 2 số: 0899.996.178, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô Honda loại PS màu trắng đen, BKS: 39T2-100.56, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô Honda loại Lead màu trắng, BKS: 54R1-5451, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định hành vi phạm tội của bị cáo Lê Minh N như sau: Khoảng tháng 02/2024, do làm ăn không đủ tiền sinh hoạt hàng ngày, nên N lên mạng xã hội T2, sử dụng nick “Tokyo” sau đổi thành “Khủng Khiếp” và số điện thoại 0899.996.138 kết bạn với nick “Nike” (giới thiệu tên là L1 nhà ở Thành

phố Hồ Chí Minh, không rõ lai lịch) có số điện thoại 0934.366.254. Quá trình quen biết trao đổi qua T, N tâm sự đang thất nghiệp và nghiện ma túy nên muốn mua ma túy về bán kiếm lời. L1 nói có nguồn ma túy và nhờ N giữ ma túy cho L1. Khi có người liên hệ với L1 để đặt mua ma túy, L1 sẽ thu tiền bán ma túy của người mua, sau đó L1 sẽ yêu cầu N đóng gói số lượng ma túy khách cần mua và N đặt xe ôm giao hàng (shipper) đi giao ma túy đến địa chỉ người mua ma túy do Long cung C1 và L1 trả tiền công giữ ma túy cho N 500.000 đồng/ngày. Ngoài ra, L1 sẽ thưởng thêm cho N từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng tùy số lượng ma túy do N giao ít hay nhiều.

Hàng tuần L1 gửi cho N giữ từ 100 gam đến 500 gam ma túy để giữ tại nơi N thuê để ở, để N giao cho khách theo yêu cầu của L1. Tiền bán ma túy do người mua chuyển trả cho L1 (N). Nhưng cũng có một số người mua ma túy trả tiền mặt hoặc chuyển khoản cho N qua tài khoản số 78121992315 mở tại ngân hàng T8, sau đó N chuyển cho L1 qua tài khoản số 00936298205 mở tại Ngân hàng T8 do Nguyễn Thị Hồng Y (Sinh ngày 25/11/1980, nơi thường trú: 585A tổ 67, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chủ tài khoản). Lần chuyển tiền gần nhất ngày 24/4/2024, N chuyển khoản với số tiền 45.000.000 đồng qua số tài khoản này. Tiền công, L1 (N) cho người mang tới hoặc chuyển vào tài khoản số 0909164212 và 78121992315 mở tại Ngân hàng T8 cho N. Bị cáo N được trả tiền công giữ ma túy và tiền thưởng thêm sau các lần giao ma túy thành công là 40.000.000 đồng, đến ngày 13/5/2024 bị bắt quả tang.

Từ tháng 3/2024 đến ngày bị bắt, bị cáo N giao nhiều đơn hàng ma túy các loại cho khách theo yêu cầu của L1, kết quả điều tra xác minh cụ thể:

1. Nguyễn Thúy V1, số điện thoại: 0369.664.621, cư ngụ thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Qua tra cứu xác định số điện thoại trên người đăng ký là Nguyễn Thúy D1, sinh ngày 15/9/1994, địa chỉ: Khu V, L, N, Hậu Giang. Qua làm việc, D1 có đăng ký số sim trên nhưng đến năm 2023 đã bị mất điện thoại, mất sim nên không còn sử dụng số sim trên.

2. Lê Quang K, số điện thoại: 0765.204.106 cư ngụ Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do sim không sử dụng dịch vụ Tổng công ty V2 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 15/03/2023, nên không thể tra cứu thông tin.

3. A H2, số điện thoại: 0784.616.616 hoặc số: 0918.487.740 cư ngụ Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Qua tra cứu xác định số điện thoại tên người đăng ký là Lê Đức T3, sinh ngày 01/02/1956, địa chỉ: E L, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả xác minh tại địa chỉ trên không có ai tên Lê Đức T3.

4. Bé M, số điện thoại: 0899.429.488, cư ngụ xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua tra cứu thông tin chủ thuê bao thuộc nhà mạng Local, VNSKY không thuộc quản lý của Tổng công ty V2 nên không thể tra cứu thông tin.

5. Anh T4, số điện thoại: 0776.428.146 cư ngụ đường L, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua quá trình tra cứu thông tin chủ thuê bao thuộc nhà mạng Local,

VNSKY không thuộc quản lý của Tổng công ty V2, nên không thể tra cứu thông tin.

6. H2, số điện thoại 0904.632.053 cư ngụ tại phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua tra cứu xác định số điện thoại trên người đăng ký là Nguyễn Văn C2, sinh ngày 01/01/1953, địa chỉ: xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Qua làm việc, ông C2 trình bày từ trước đến nay không có sử dụng căn cước công dân của mình để đăng ký số điện thoại nói trên và cũng không cho ai mượn căn cước công dân. Ông C2 không quen biết và không có mua ma túy của N.

7. T7, số điện thoại: 0909.878.674 cư ngụ đường L, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua tra cứu xác định số điện thoại trên người đăng ký là Vũ Văn C3, sinh ngày 06/09/1953, địa chỉ: số B, đường A, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc, ông C3 có đăng ký và sử dụng số sim nói trên cho đến nay, nhưng không quen biết gì với Lê Minh N và không biết số điện thoại 0899.996.138 và số 0934.336.254 là của ai. Bản thân ông C3 làm nghề chạy xe honda ôm, nên có thời gian nhận hàng đùm một vài người khách, bản thân không biết bên trong những gói hàng đó là gì.

8. D1, số điện thoại 0777.445.014 cư ngụ xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua tra cứu thông tin chủ thuê bao thuộc nhà mạng Local, VNSKY không thuộc quản lý của Tổng công ty V2 nên không thể tra cứu thông tin.

9. Bé L1, số điện thoại: 0779.990.234 cư ngụ đường tại đường V, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua tra cứu xác định số điện thoại trên người đăng ký là Kha Thư T5, sinh ngày 16/09/1991, địa chỉ: Số A, đường B, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc, T5 có đăng ký số sim nói trên, nhưng đến năm 2023 đã bị mất điện thoại, mất sim nên không sử dụng số nói trên đến nay.

10. Minh R, số điện thoại: 0865.664.392 cư ngụ phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua tra cứu xác định số điện thoại trên người đăng ký là Y Dem N3, sinh ngày 05/08/2007, địa chỉ: Buôn E, E, C, Đ. Qua làm việc, Y Dem N3 trình bày từ trước đến nay không có sử dụng căn cước công dân đăng ký số điện thoại nói trên.

11. Bị cáo N giao ma túy cho bị cáo Lê Thị Mỹ T6 (Y1) 02 lần cụ thể:

- Lần 01: Ngày 11/5/2024, bị cáo Thạch Hoàng liên H3 với bị cáo N đặt mua 500 số (50 gam) ma túy đá cho bị cáo Lê Thị Mỹ T6 và chồng là bị cáo Nguyễn Văn C4. Tiền mua ma túy bị cáo T6 thanh toán trực tiếp với bị cáo Thạch H1 là 12.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Thạch H1 trả cho bị cáo N 11.500.000 đồng. Bị cáo Thạch H1 lấy tiền về, phát hiện thiếu số tiền 1.000.000 đồng, nên gọi điện thoại cho bị cáo T6 yêu cầu chuyển thêm, bị cáo T6 chuyển 1.000.000 đồng vào tài khoản số 14111101100372 mở tại Ngân hàng E, do Phan Thị Mỹ T1 (vợ của bị cáo Thạch H1) đứng tên.

Bị cáo Thạch H1 gọi điện thoại cung cấp cho bị cáo N biết thông tin địa chỉ, số điện thoại người nhận là shop Yến Vy, địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An và số điện thoại 0769.086.780. Bị cáo N lấy gói ma túy đá bỏ vào hộp giấy carton hình chữ nhật màu xám, dán băng keo trắng xung quanh, ghi tên, địa chỉ, số điện thoại của bị cáo T6 (Y1) rồi dán lên hộp giấy. Sau đó, gọi một người đàn ông chạy xe ôm G1 tên Ngô Hoàng N4, sinh ngày 02/3/1974, nơi thường trú: 1024 Tổ I, Ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại 0937.008.667, đi giao cho bị cáo T6. Khi shipper giao ma túy, nhưng do T6 bận, nên bị cáo Thạch H1 cho số điện thoại 0939.729.730 của bị cáo Nguyễn Văn C5 là chồng của bị cáo T6 nhận thay. Bị cáo N gọi điện cho bị cáo C5, rồi cung cấp số điện thoại để bị cáo C5 và ông N4 liên lạc giao hộp giấy carton bên trong đựng ma túy đá. Khi giao ma túy cho bị cáo C5, ông N4 có chụp ảnh đã giao và ảnh bản hiệu cửa hàng đồ gia dụng “Yến Vy” gửi lại cho bị cáo N biết.

- Lần 02, trước lần 01 khoảng một tuần: Các bị cáo Nguyễn Văn C5 và Lê Thị Mỹ T6 đặt mua 50 gam ma túy đá của bị cáo Thạch H1 với giá 12.000.000 đồng. Bị cáo Thạch Hoàng liên H3 và yêu cầu bị cáo N đi giao cho bị cáo T6 tại địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Tiền bán ma túy bị cáo Thạch Hoàng N5 của bị cáo T6. Sau đó, bị cáo Hoàng C6 vào tài khoản ngân hàng T8 của bị cáo N.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra nơi ở và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo Nguyễn Văn C5 và Lê Thị Mỹ T6, thu giữ tang vật như sau: Thu giữ của bị cáo Lê Thị Mỹ T6, tại shop Y, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An, gồm: 01 gói nylon màu trắng rãnh khế viền đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy; 01 gói nylon màu trắng rãnh khế viền đỏ bên ngoài quấn băng keo đen, bên trong chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy; 01 gói nylon rãnh khế viền đỏ bên trong chứa 04 gói nylon màu trắng rãnh khế viền đỏ, trong 04 gói nylon chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 cân tiểu ly màu đen hiệu “POCKET SCALE”; 01 kéo kim loại màu trắng; 01 ống nhựa cắt nhọn một đầu, 01 nỏ thủy tinh; 50 gói nylon chưa sử dụng; 30 ống hút nhựa chưa sử dụng; 01 vỏ hộp giấy hình vuông; 01 vỏ hộp giấy hình chữ nhật, bên ngoài quấn nilon trắng, có dán băng keo trắng ký hiệu “Ấp B, xã Đ C Long An, Chị Y1”; 01 điện thoại di động Iphone 11, cùng sim 0769086780 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone loại 14, cùng sim số 0792330112 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam là 700.000 đồng, tiền Canada 100 CAD.

Kết luận giám định số 323/KL-KTHS Ngày 20/5/2024, Phòng K4 Công an tỉnh L kết luận như sau: Túi niêm phong mã số NS4 2144615: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khế viền đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,3257 gam loại Methamphetamine; Túi niêm phong mã số NS3 2122400: Tinh thể màu trắng đựng trong 05 túi nylon có rãnh khế viền đỏ được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 90,2810 gam, loại: Methamphetamine.

Tiến hành khám xét nhà của bị cáo Nguyễn Văn C5 thuộc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An, thu giữ gồm: T9 800.000 đồng; 02 bộ sử dụng ma túy gồm: 01 bình nhựa nắp màu xanh lá cây, 01 bình thủy tinh nắp màu xanh dương, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu trắng và 01 nỏ thủy tinh (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Vivo Y02s và 01 sim số 0939.729.730; 01 gói nilong màu trắng được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy thu tại phòng ngủ của Nguyễn Văn C5; 01 gói nilong màu trắng có rãnh khếp viền đỏ, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy và 01 cân tiểu li màu đen, có chữ “ZERO” đã qua sử dụng, được thu tại khu đất trống gần cạnh cửa sổ phòng ngủ nhà Nguyễn Văn C5.

Kết luận giám định số 324/KL-KTHS ngày 20/5/2024 của Phòng K4 Công an tỉnh L, kết luận: Túi niêm phong mã số NS4 2144612: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon hàn kín được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1348 gam, loại: Methamphetamine; Túi niêm phong mã số NS4 2144614: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khếp viền đỏ được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,5926 gam, loại: Methamphetamine.

Kết quả điều tra, Bị cáo Thạch H1 thừa nhận hai lần đặt mua ma túy từ bị cáo N để bán lại cho vợ chồng các bị cáo Nguyễn Văn C5 và Lê Thị Mỹ T6, hưởng lợi 1.000.000 đồng. Các bị cáo T6 và C5 đã 02 lần mua ma túy từ bị cáo Thạch H1. Sau khi nhận được ma túy, bị cáo T6 phân chia thành các gói nhỏ đưa lại cho bị cáo C5 bán lại cho các đối tượng nghiện gồm: Mai Thanh P2, sinh năm 1988, nơi thường trú: D6/26B ấp D, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng; Nguyễn Minh T7, sinh năm 1999, nơi thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An, 03 lần, với tổng số tiền 700.000 đồng; Lê Hồng K1, sinh năm 1991, nơi thường trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An 07 - 08 lần, mỗi lần mua gói ma túy giá 200.000 đồng; Trần Hoàng K2, sinh năm 1988, nơi thường trú: Ấp A xã P, huyện C, tỉnh Long An 03 lần, với tổng số tiền 550.000 đồng.

Ngoài việc mua bán ma túy như trên, bị cáo Nguyễn Văn C5 còn thực hiện hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, cụ thể: Khoảng 05 giờ 40 phút ngày 13/5/2024, bị cáo C5 đi từ nhà đến đường C, thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An gặp người thanh niên tên B (không rõ địa chỉ) để mua 01 gói ma túy đá 200.000 đồng đem về để sử dụng và ai mua thì bán lại. Bị cáo C5 cất giấu gói ma túy trong túi quần sọt phía trước, bên phải đang mặc. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, bị cáo mang đồ ăn sáng cho bị cáo T6 tại shop Yên Vy. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, bị cáo C5 đi xuống khu vực bếp, thấy có hộp giấy, trong đó có 01 gói ma túy đá và cân tiểu ly của bị cáo T6, bị cáo C5 lấy gói nylon nhỏ có rãnh khếp rồi dùng ống hút bằng nhựa chiếc ma túy vào gói nylon và cân khoảng 20 số, mang về nhằm để sử dụng và bán cho người khác có nhu cầu sử dụng ma túy để kiếm lời. Sau khi lấy ma túy, bị cáo C5 nói cho bị cáo T6 biết là lấy 20 số. Sau đó, bị cáo C5 cất giấu gói nylon chứa ma túy vào túi quần bên phải, điều khiển xe honda hiệu

Vision về nhà. Lúc này, tại nhà của bị cáo C5 có ông Mai Thanh P2. Bị cáo C5 và ông P2 đi vào phòng ngủ của bị cáo C5 Tại đây, ông P2 đang bấm điện thoại đưa cho bị cáo C5 200.000 đồng, yêu cầu bị cáo C5 đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo C5 lấy 200.000 đồng của ông P2 bỏ vào học bàn và lấy gói ma túy từ túi quần ra để trên bàn. Bị cáo C5 nói mới mua 200.000 đồng chơi đi chút trả lại 100.000 đồng, lúc này ông P2 đang bấm điện thoại nên không nghe bị cáo C5 nói. Sau đó, bị cáo C5 yêu cầu ông P2 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trên nền gạch dưới bàn, bên trong còn ma túy của bị cáo C5 đã sử dụng trước đó, ông P2 mới lấy đưa cho bị cáo C5, bị cáo C5 tự đốt sử dụng trước rồi để bộ dụng cụ xuống nền gạch, ông P2 tự lấy bộ dụng cụ sử dụng, bị cáo C5 nhìn thấy và không nói gì. Lúc này, khoảng 12 giờ 05 phút, ông P2 đang hút ma túy thì bị Công an xã Đ đến kiểm tra, bị cáo C5 lấy gói ma túy trong túi quần ra ném ra ngoài cửa sổ cùng với cân tiểu ly, còn gói ma túy bị cáo C5 để trên bàn. Công an xã phát hiện lập Biên bản bắt giữ bị cáo C5, thu giữ gói ma túy cùng cân tiểu ly và bộ D2 sử dụng ma túy để làm rõ.

Tại Bản cáo trạng số: 01/CT-VKSTN-P1 ngày 02/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã truy tố bị cáo Lê Minh Nhựt về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình Sự; bị cáo Nguyễn Văn C5 về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Thị Mỹ T6 và Thạch H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với đối tượng tên L1 (N6) do N khai L1 giao ma túy cho N giữ để phân chia bán ma túy theo yêu cầu của L1 và người tên B bán ma túy cho Nguyễn Văn C5. Do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể. Nên cơ quan điều tra chưa chưa xác minh, xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2025/HS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

2.1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm đ khoản 2 Điều 254; các điểm g và h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 40; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Minh N tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Minh N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tử hình. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2024 đến ngày 22/5/2024

chuyển tạm giam cho đến nay. Tiếp tục giam bị cáo Lê Minh N để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Lê Minh N được gửi đơn đến Chủ tịch N7 để xin ân giảm án tử hình.

2.2. Tuyên bố bị cáo Thạch H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Thạch H1 19 (Mười chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/10/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C5, Lê Thị Mỹ T6; về biện pháp tư pháp; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2025, bị cáo Lê Minh N kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng, Bản án sơ thẩm xét xử mức án tử hình là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Nên bị cáo viết đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tối cao xem xét xét xử lại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 16/9/2025, bị cáo Thạch H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Minh N khai nhận Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không oan. Nhưng Bản án sơ thẩm tuyên mức hình phạt tử hình là quá nặng nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội trở về sum họp gia đình làm lại cuộc đời.

- Bị cáo Thạch Hoàng G nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Minh N, Thạch H1 làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Do đó, đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự bác kháng cáo của các bị cáo Lê Minh N, Thạch H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh N có ý kiến tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng pháp luật. Bị cáo không kháng cáo về tội danh mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Nhưng do hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, có con còn nhỏ. Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, cho bị cáo con đường sống, tuyên xử bị cáo với mức hình phạt tù chung thân cũng đủ giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Thạch H1 có ý kiến tranh luận: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc nhận thức pháp luật bị hạn chế, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú thể hiện sự ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Minh N, Thạch H1 đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Lê Minh N, Thạch H1 tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của người liên quan; người làm chứng; biên bản khám xét; biên bản thu giữ vật chứng; các Kết luận giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 cho đến ngày 13/5/2024, tại khu vực tổ D khu phố K, thị trấn C, tỉnh Long An (nay là xã C tỉnh Tây Ninh) bị cáo Lê Minh N đã mua bán ma túy cho nhiều người với số lượng lớn, bằng cách trao đổi qua điện thoại, thanh toán qua tài khoản Ngân hàng và chuyển ma túy qua dịch vụ shipper giao hàng và hưởng lợi được số tiền 40.000.000 đồng.

Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 13/5/2024, Công an huyện C phối hợp với công an thị trấn C tiến hành kiểm tra tại nhà của bị cáo Lê Minh N đang thuê ở tại nhà không số đường T, thuộc tổ D, khu phố K, thị trấn C, huyện C bắt quả tang, thu giữ với tổng khối lượng ma túy các loại nhằm mục đích bán lại cho người khác với tổng khối lượng là 8.111,2634 gam (trong đó có: 5.455,58 gam loại MDMA; 850,62 gam loại Methamphetamine; 1.151,86 gam loại Ketamin; 923,1934 gam các loại MDMA, Methamphetamine, K3, D và N2) theo Kết luận giám định số: 3011/KL-KTHS ngày 24/5/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra còn thu giữ tại nhà N đang thuê ở có 60 nỏ thủy tinh nhằm mục đích dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Lê Minh N khai nhận từ tháng 3 năm 2024 đến ngày bị bắt quả tang, N ma túy cho nhiều người trong đó có 02 giao ma túy cho Lê Thị Mỹ T6 và Nguyễn Văn C5 do bị cáo Thạch Hoàng liên H3 đặt mua ma túy, mỗi lần 50 gam, với tổng số tiền 23.000.000 đồng, để bị cáo Thạch Hoàng B1 lại cho các bị cáo Lê Thị Mỹ T6 cùng với Nguyễn Văn C5 với tổng số tiền là 24.000.000 đồng, để vừa nhằm mục đích cho bị cáo C5 sử dụng trái phép và vừa phân chia nhỏ ra bán lại cho người khác sử

dụng trái phép. Bị cáo Thạch H1 khai nhận 02 lần bán ma túy của bị cáo N với tổng khối lượng 100 gam (mỗi lần mua có khối lượng 50 gam ma túy với số tiền 11.500.000 đồng) bị cáo Hoàng bán lại cho các bị cáo Lê Thị Mỹ T6 và Nguyễn Văn C5 để hưởng lợi 1.000.000 đồng. Thu giữ tại nhà của bị cáo T6 và C5 số lượng ma túy còn lại là 93,1993 gam Methamphetamin.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê Minh N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, điểm đ khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình Sự và tuyên xử bị cáo Thạch H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tại Luật số: 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 đã sửa đổi bổ sung Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cần sửa lại cho chính xác, tuyên xử bị cáo Lê Minh N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự (Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015) và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự; tuyên xử bị cáo Thạch H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự năm 2015) là đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Minh N, Thạch H1 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét bị cáo Lê Minh N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với số lượng rất lớn, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm và trong vụ án bị cáo N phạm tội nhiều lần; quá trình điều tra bị cáo có thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Khi quyết định hình phạt Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tuyên xử hình phạt tử hình đối với bị cáo Lê Minh N là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội mà bị cáo N đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt theo quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo N và ý kiến đề nghị của Luật sư. Do đó, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo N là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Thạch H1 có 02 lần mua ma túy của bị cáo N mỗi lần mua 50 gam ma túy để bán lại cho các bị cáo Lê Thị Mỹ T6 cùng với Nguyễn Văn C5 để hưởng lợi. Sau khi vụ án bị phát giác, bị cáo Thạch H1 đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo Thạch H1 là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế. Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Nhưng xét mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo Thạch H1 có phần nghiêm khắc, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1 và ý kiến đề nghị của luật sư, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Thạch H1 là có căn cứ, có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Lê Minh N, Thạch H1.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Minh N kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Thạch H1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn C5, Lê Thị Mỹ T6; về biện pháp tư pháp; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh N xin giảm nhẹ hình phạt.
- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thạch H1 xin giảm hình phạt.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2025/HS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự (Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự

năm 2015); điểm đ khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g và h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 40; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”;

Xử phạt bị cáo Lê Minh N tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Minh N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là của hai tội là tử hình. Bị cáo Lê Minh N bị tạm giữ từ ngày 13/5/2024 đến ngày 22/5/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Tiếp tục giam bị cáo Lê Minh N để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Lê Minh N được gửi đơn đến Chủ tịch N7 để xin ân giảm án tử hình.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự năm 2015); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Thạch H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Thạch H1 18 (Mười tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/10/2024.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Minh N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Thạch H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn C5, Lê Thị Mỹ T6; về biện pháp tư pháp; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

